



## Câu hỏi 1: Nghị định 08 có một nội dung về ngưng hiệu lực thi hành đối với quy định về thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt phát hành. Vậy, hệ quả của việc ngưng hiệu lực thi hành này là gì?

### ATA trả lời:

Trước hết, quy định ngưng hiệu lực thi hành đối với quy định về thời gian phân phối trái phiếu của Nghị định 08 dựa trên quy định tại điểm b khoản 1 Điều 153 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quyền quyết định việc ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản mà mình đã ban hành để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. ATA hiểu rằng, trong trường hợp này, khi thị trường trái phiếu gần như “đóng băng”, việc tạm thời giảm/bỏ các điều kiện, thủ tục phát hành hoặc kéo dài thời gian phân phối trái phiếu sẽ là cần thiết để giúp cho các doanh nghiệp phát hành kết nối được thêm nhiều nhà đầu tư có nhu cầu, từ đó khơi thông dòng vốn, phục vụ cho các dự án và/hoặc các hoạt động của mình.

Về hệ quả khi ngưng hiệu lực thi hành, theo nguyên tắc chung, khi bất kỳ quy định nào bị ngưng hiệu lực thi hành, thì quy định đó sẽ không có giá trị bắt buộc thực thi trên thực tế trong thời hạn ngưng hiệu lực. Theo đó, những quy định có hiệu lực trước đó sẽ được áp dụng hoặc những nội dung mới thì sẽ tạm thời được bỏ qua như trước đó chưa có quy định.

Dưới đây chúng tôi sẽ liệt kê các quy định ngưng hiệu lực thi hành và sẽ được tạm thời điều chỉnh bởi các quy định tương ứng trong thời hạn từ ngày 05/03/2023 đến hết ngày 31/12/2023 ("**Thời Hạn Ngưng Hiệu Lực**"), cụ thể như sau:

STT	Quy định ngưng hiệu lực thi hành	Quy định tạm thời áp dụng trong Thời Hạn Ngưng Hiệu Lực
1	<p>Quy định về việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân tại điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.</p> <p><i>Cơ sở xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân để</i></p>	<p>Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân được xác định theo điểm d Khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán và Khoản 3 Điều 4 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p><i>Cơ sở xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân để mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ:</i></p> <p><i>+ Cá nhân nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá</i></p>



	<p><i>mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ:</i></p> <p>+ <i>Danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch do nhà đầu tư nắm giữ có giá trị tối thiểu 02 tỷ đồng được xác định bằng giá trị thị trường bình quân theo ngày của danh mục chứng khoán trong thời gian tối thiểu 180 ngày liền kề trước ngày xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, không bao gồm giá trị vay giao dịch ký quỹ và giá trị chứng khoán thực hiện giao dịch mua bán lại.</i></p> <p>+ <i>Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp có giá trị trong vòng 03 tháng kể từ ngày được xác nhận.”</i></p>	<p><i>trị tối thiểu là 02 tỷ đồng theo xác nhận của công ty chứng khoán tại thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp</i></p> <p>+ <i>Trong thời hạn 01 năm kể từ thời điểm được công ty chứng khoán xác định là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư không phải thực hiện xác định lại tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khi tham gia mua chứng khoán chào bán riêng lẻ, chứng chỉ quỹ thành viên.</i></p>
<p>2</p>	<p>Quy định về thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt phát hành tại khoản 7, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ <i>Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.”</i></p> <p>+ <i>Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền của công ty đại chúng và công ty không phải là công ty đại chúng; chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty không phải là công ty</i></p>	<p>Quy định về thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt phát hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điểm c Khoản 1 Điều 11 Nghị định 153/2020/NĐ-CP</p> <p>+ <i>Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 90 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.</i></p> <p>+ <i>Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền của công ty đại chúng và công ty không phải là công ty đại chúng; chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty không phải là công ty đại chúng (không bao gồm công ty chứng</i></p>



	<p>đại chúng (không bao gồm công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán):</p> <p>...</p> <p><i>Doanh nghiệp phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu.”</i></p>	<p>khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán):</p> <p>...</p> <p><i>Doanh nghiệp phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu.</i></p> <p>* Riêng đối với trường hợp các đợt chào bán trái phiếu <i>đã gửi nội dung công bố thông tin</i> trước đợt chào bán cho Sở giao dịch chứng khoán <i>trước ngày 05/03/2023 mà chưa hoàn thành việc phân phối trái phiếu</i> thì tiếp tục thực hiện theo quy định về thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt phát hành tại Nghị định số 65/2022/NĐ-CP (phân phối trong 30 ngày).</p>
<p><b>3</b></p>	<p>Quy định về kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu tại điểm e khoản 2 Điều 12 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP</p> <p><i>Hồ sơ chào bán trái phiếu bao gồm các tài liệu cơ bản sau:</i></p> <p>e) <i>Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu nếu doanh nghiệp phát hành thuộc các trường hợp phải xếp hạng tín nhiệm và thời điểm áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 và khoản 3 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</i></p>	<p>Trước đó, tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP, Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu và loại trái phiếu phát hành không phải là hồ sơ bắt buộc. <i>Theo đó, ATA hiểu rằng, cho đến hết Thời Hạn Ngưng Hiệu Lực, tài liệu này sẽ tạm thời chưa bắt buộc phải cung cấp trong hồ sơ chào bán trái phiếu.</i></p> <p>* <i>Tuy nhiên, vì các điều khoản quy định về kết quả xếp hạng tín nhiệm này được cụ thể tại Khoản 2 Điều 19 và Khoản 3 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP – những điều khoản gốc được dẫn chiếu làm cơ sở để xây dựng quy định về kết quả xếp hạng tín nhiệm với doanh nghiệp phát hành trái phiếu tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP, nên theo quan điểm của ATA, để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống quy định pháp luật, Nghị định 08</i></p>



		<i>cần ngưng hiệu lực đối với cả các quy định gốc tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP kể trên.</i>
--	--	---

Liên quan đến việc ngưng hiệu lực thi hành, có một vấn đề là tại Nghị định 08 chưa đưa ra các phương án xử lý cho trường hợp trái phiếu đã tiến hành các thủ tục đăng ký phát hành nhưng chưa hoàn thành các thủ tục công bố thông tin hoặc đã hoàn thành công bố thông tin nhưng chưa hoàn thành việc phân phối khi hết Thời Hạn Ngưng Hiệu Lực. Những nội dung này có thể sẽ gây khó khăn hoặc vướng mắc cho tổ chức phát hành và/hoặc nhà đầu tư trái phiếu và sẽ cần thêm sự giải đáp, hướng dẫn từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.